| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**<br>TỈNH QUẢNG NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2020
"*V/v Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Bình

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông: Nguyễn Văn Bẩy

2. Ông: Nguyễn Văn Việt.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2019/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Dương Thị Cẩm V, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Thôn 12, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

*2. Bị đơn:* anh Lê Văn N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: thôn 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Đội 31, Phân trại 2, Trại giam H. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Dương Thị Cẩm V trình bày:*

Chị và anh Lê Văn N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh năm 2016. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc thì anh N thường xuyên tụ tập chơi bời, không tu chí làm ăn. Năm 2018, anh N vi phạm pháp luật. Hiện nay anh N đang chấp hành hình phạt 15 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tại Trại giam H, tỉnh Hải

Dương. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Lê Tùng L, sinh ngày 06/5/2016. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn N trình bày:*

Anh và chị Dương Thị Cẩm V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phải đi chấp hành án. Nay chị V không còn tình cảm với anh và làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Lê Tùng L, sinh ngày 06/5/2016. Anh không đồng ý để chị V nuôi dưỡng con chung mà đề nghị giao con chung về cho bố mẹ ruột của anh nuôi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn N vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Hải Dương, có đề nghị xét xử vắng mặt.

*Các tình tiết các bên thống nhất:* Nguyên đơn và bị đơn thống nhất được vấn đề ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

**[1]***Về thủ tục tố tụng:* Chị Dương Thị Cẩm V có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Lê Văn N và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[2]***Về tình cảm*: Chị Dương Thị Cẩm V và anh Lê Văn N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Giữa anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh Lê Văn N đang chấp hành hình phạt 15 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tại Trại giam H, tỉnh Hải Dương. Mặt khác, anh Lê Văn N cũng đồng ý được ly hôn với chị Dương Thị Cẩm V. Như vậy, mục đích chung sống giữa hai người không đạt được. Căn cứ vào khoản

1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Dương Thị Cẩm V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

**[3]***Về con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V có ý kiến để chị trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có ý kiến đề nghị giao con chung cho bố mẹ đẻ của anh nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị Dương Thị Cẩm V là chính đáng, có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Đồng thời không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh Lê Văn N.

**[4]***Về tài sản chung*: không đề cập giải quyết.

**[5]***Về nợ chung*: không đề cập giải quyết.

**[6]***Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn:* Anh Lê Văn N và chị Dương Thị Cẩm V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[7]***Về án phí*: Chị Dương Thị Cẩm V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Cẩm V về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: Chị Dương Thị Cẩm V được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Dương Thị Cẩm V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Tùng L, sinh ngày 06/5/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 5 năm 2020.

- Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Dương Thị Cẩm V, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

(*Chị Dương Thị Cẩm V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004334 ngày 11/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều*).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.**
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Bình**